

Số: *1490*/NHCS-TDSV

Hà Nội, ngày *21* tháng 6 năm 2011

HƯỚNG DẪN

Sửa đổi, bổ sung một số điểm trong văn bản số 682/NHCS-TD ngày 23/4/2007 của Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn thực hiện cho vay vốn theo Quyết định số 212/2006/QĐ-TTg ngày 20/9/2006 của Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Nghị quyết số 64/NQ-CP ngày 21/12/2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết của Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH), Tổng giám đốc NHCSXH hướng dẫn sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điểm trong văn bản số 682/NHCS-TD ngày 23/4/2007 về hướng dẫn thực hiện cho vay vốn theo Quyết định số 212/2006/QĐ-TTg ngày 20/9/2006 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và doanh nghiệp sử dụng người lao động là người sau cai nghiện ma túy như sau:

1. Tại điểm 2.1 khoản 2 phần II:

- Đã quy định: “Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép hành nghề đối với hộ kinh doanh cá thể, Hợp tác xã, Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác”

Nay sửa đổi, bổ sung như sau: “Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với Hợp tác xã, Doanh nghiệp vừa và nhỏ) hoạt động theo Luật doanh nghiệp đăng ký trước ngày 01 tháng 6 năm 2010) hoặc Giấy chứng nhận Cơ sở sản xuất kinh doanh dành riêng cho người tàn tật”.

2. Tại điểm 2.1 khoản 2 phần II mẫu biểu số 01a/GQVL:

- Đã quy định “Điểm 8. Tài sản thế chấp: (ghi cụ thể tài sản và giá trị)”

- Nay sửa đổi, bổ sung như sau: “Điểm 8. Tài sản thế chấp (chỉ áp dụng đối với khoản vay trên 30 triệu): (ghi cụ thể tài sản và giá trị)”.

(Mẫu 01a/GQVL được sửa đổi, bổ sung kèm theo văn bản này).

3. Bổ sung thêm vào điểm 1.1 khoản 1 và điểm 2.1 khoản 2 phần II như sau:

“ Số lượng hồ sơ phải nộp là 01 bộ”.

4. Bổ sung quy định về thời hạn phê duyệt cho vay trong quy trình, thủ tục cho vay như sau:

4.1. Tại tiết d điểm 1.2 khoản 1 phần II:

- Đã quy định: “Nhận được hồ sơ do Tổ TK&VV gửi đến, cán bộ NHCSXH được Giám đốc phân công thực hiện việc kiểm tra đối chiếu tính hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ xin vay vốn trình Giám đốc phê duyệt cho vay.”

Sau khi phê duyệt, NHCSXH nơi cho vay lập Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD) gửi UBND cấp xã. Trường hợp dự án vay vốn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không đúng đối tượng, không đủ điều kiện vay vốn theo quy định thì NHCSXH từ chối cho vay và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án biết (mẫu số 04/TD)".

- Nay sửa đổi bổ sung như sau: "Nhận được hồ sơ do Tổ TK&VV gửi đến, cán bộ NHCSXH được Giám đốc phân công thực hiện việc kiểm tra đối chiếu tính hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ xin vay vốn trình Giám đốc phê duyệt cho vay. Sau khi phê duyệt, NHCSXH nơi cho vay lập Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD) gửi UBND cấp xã. **Thời hạn phê duyệt cho vay không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày NHCSXH nhận được đầy đủ hồ sơ vay vốn theo quy định.** Trường hợp dự án vay vốn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không đúng đối tượng, không đủ điều kiện vay vốn theo quy định thì NHCSXH từ chối cho vay và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án biết (mẫu số 04/TD)".

4.2. Tại tiết b điểm 2.2 khoản 2 phần II:

- Đã quy định: "Cán bộ NHCSXH được Giám đốc phân công thực hiện việc kiểm tra đối chiếu tính hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ xin vay vốn trình Trưởng phòng (Tổ trưởng) tin dụng kiểm soát và trình Giám đốc phê duyệt cho vay. Trường hợp dự án vay vốn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không đúng đối tượng, không đủ điều kiện vay vốn theo quy định thì NHCSXH từ chối cho vay và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án biết (mẫu số 04/TD)".

- Nay sửa đổi bổ sung như sau: "Cán bộ NHCSXH được Giám đốc phân công thực hiện việc kiểm tra đối chiếu tính hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ xin vay vốn trình Trưởng phòng (Tổ trưởng) tin dụng kiểm soát và trình Giám đốc phê duyệt cho vay. **Thời hạn phê duyệt cho vay không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày NHCSXH nhận được đầy đủ hồ sơ vay vốn theo quy định.** Trường hợp dự án vay vốn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không đúng đối tượng, không đủ điều kiện vay vốn theo quy định thì NHCSXH từ chối cho vay và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án biết (mẫu số 04/TD)".

Nhận được văn bản này, yêu cầu chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố triển khai thực hiện. Văn bản này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Cục KS TTHC - VPCP; }
- Chủ tịch HĐQT; } để báo cáo.
- Tổng giám đốc, các P.Tổng giám đốc;
- Trưởng ban Kiểm soát, Kế toán trưởng NHCSXH;
- Chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố
- Các Ban chuyên môn tại HSC, Tổ Pháp chế thuộc VP;
- Sở giao dịch, TT đào tạo, TT công nghệ TT;
- Lưu: VT, TDSV.



Nguyễn Văn Lý

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ ÁN VAY VỐN QUỸ CHO VAY GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM

(Áp dụng cho cơ sở sản xuất kinh doanh)

Tên dự án:.....
Họ và tên chủ dự án:.....
Địa chỉ liên hệ:.....
Địa điểm thực hiện dự án:.....

I- Bối cảnh

- Đặc điểm tình hình cơ sở sản xuất kinh doanh:.....
- Bối cảnh kinh tế- xã hội:.....
- Khả năng phát triển cơ sở sản xuất kinh doanh trong dự án:.....

II - Mục tiêu dự án

1. Đầu tư phát triển, mở rộng sản xuất kinh doanh, tăng sản phẩm, doanh thu, lợi nhuận.
2. Giải quyết việc làm cho lao động:
 - Tạo thêm chỗ làm việc mới, thu hút thêm lao động vào làm việc.
 - Đảm bảo việc làm, ổn định chỗ làm việc cho người lao động.
 - Đảm bảo thu nhập góp phần ổn định cuộc sống cho người lao động.

III - Nội dung dự án

1. Chủ thể dự án:.....
 - Tên gọi cơ sở sản xuất, kinh doanh:.....
 - Chức năng:.....
 - Tên người đứng đầu:
 - Địa chỉ trụ sở sản xuất:.....
 - Vốn hoạt động:..... đồng
 - Số hiệu tài khoản tiền gửi:..... tại.....
2. Mặt bằng sản xuất, kinh doanh (hiện trạng, diện tích):
 - Văn phòng (địa chỉ, m²):.....
 - Nhà xưởng, kho bãi (địa chỉ, m²):.....
3. Nguồn vốn hoạt động (quy ra tiền):.....
 - Tổng số:.....
 - + Trong đó: - Vốn tự có:đồng - Vốn vay:.....đồng
 - + Chia ra: - Vốn cố định:.....đồng - Vốn lưu động:.....đồng
4. Năng lực sản xuất:
 - Xưởng sản xuất (số lượng, diện tích, tình trạng hoạt động):
 - Trang thiết bị, máy móc (số lượng, giá trị, tình trạng hoạt động):
 - Tổ chức, Bộ máy (số lượng phòng ban, số lượng lao động):
5. Kết quả sản xuất kinh doanh (2 năm gần nhất):
 - Sản phẩm (số lượng, khối lượng từng loại sản phẩm):.....
 - Doanh thu (đồng):.....

- Thuế (đồng):.....Lợi nhuận(đồng):
- Tiền lương công nhân:..... (đồng/tháng)

6. Nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh, phát triển doanh nghiệp:

a, Đầu tư trang thiết bị:

- Máy móc, thiết bị (chủng loại, số lượng, giá trị):.....
- Phương tiện (chủng loại, số lượng, giá trị):.....

b, Đầu tư vốn lưu động:

- Vật tư, nguyên, nhiên liệu (chủng loại, số lượng, giá trị):.....

c, Nhu cầu sử dụng lao động:

- Lao động hiện có:..... người
- Lao động tăng thêm:..... người
- Trong đó: + Lao động nữ:.....người
- + Lao động là người tàn tật:..... người
- + Lao động là người dân tộc:người
- +Lao động bị thu hồi đất do chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp:.....người

7. Số vốn xin vay từ Quỹ Quốc gia về việc làm:

- Tổng số vốn xin vay: đồng (chiếm ...% so với tổng số vốn thực hiện dự án).
- Mục đích sử dụng vốn vay:.....
- Thời hạn vay:..... tháng. Lãi suất:.....%/tháng

8. Tài sản thế chấp (chỉ áp dụng đối với khoản vay trên 30 triệu): (ghi cụ thể tài sản và giá trị).....

IV- Hiệu quả kinh tế của dự án

1. Đối với doanh nghiệp:


- Tăng năng lực sản xuất (máy móc, thiết bị):.....
- Tăng sản phẩm, doanh thu (số lượng, giá trị):.....
- Tăng lợi nhuận:..... Tăng số thuế phải nộp ngân sách nhà nước..... đồng

2. Đối với người lao động:

- Thu hút và đảm bảo ổn định việc làm cho:.....lao động
- Tiền công:..... đồng/tháng.

V- Phân cam kết của chủ dự án

Tôi xin cam kết:

- Thu hút lao động:..... (người).
- Sử dụng vốn đúng mục đích đã nêu trong dự án.
- Đảm bảo thời hạn hoàn trả vốn.
- Thực hiện đầy đủ, đúng chế độ: thời gian làm việc và nghỉ ngơi, bảo hộ lao động, bảo hiểm đối với người lao động và nghĩa vụ đối với Nhà nước. 

Xác nhận của UBND cấp xã

(Ký tên, đóng dấu)

.... Ngày.....tháng.....năm

Chủ dự án

(Ký tên, đóng dấu)